

Số: /KH-UBND

Đại Lãnh, ngày tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số Và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước xã Đại Lãnh năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 4606/KH-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Vạn Ninh ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước huyện Vạn Ninh năm 2023; UBND xã Đại Lãnh xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Luật CNTT ngày 29/6/2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Luật An toàn thông tin ngày 11/9/2015;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;
- Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa;
- Công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15/7/2020 của Bộ Thông tin

và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ Số/Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch năm 2021.

- Kế hoạch số 13784/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 4606/KH-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Vạn Ninh ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước huyện Vạn Ninh năm 2023.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử của xã nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu, hướng đến Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng; nâng cao vị trí xếp hạng về chỉ số mức độ sẵn sàng cho phát triển chính quyền điện tử (ICT Index), chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính trong bộ chỉ số CCHC (PAR Index) của tỉnh.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

a) Tham gia góp ý hệ thống văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử.

b) Tham gia hệ thống nền tảng, dùng chung của tỉnh; cơ quan nhà nước từng bước mở dữ liệu để phục vụ cung cấp dịch vụ công, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) 100% CSDL về hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương thường xuyên được cập nhật, kết nối, chia sẻ và tổ chức sử dụng có hiệu quả, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý và chỉ đạo điều hành của chính quyền.

d) 100% các HTTT, CSDL phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của địa phương được nâng cấp, mở rộng và phát triển mới phải đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, và đáp ứng yêu cầu Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt.

đ) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử; 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

e) 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện qua Hệ thống báo cáo của tỉnh.

g) 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và HTTT của cơ quan quản lý.

h) 100% hồ sơ điện tử có thời hạn bảo quản vĩnh viễn được nộp vào Lưu trữ lịch sử tỉnh; cho phép khai thác trực tuyến tài liệu điện tử tại Lưu trữ lịch sử tỉnh; tích hợp dữ liệu lưu trữ số của tỉnh với Hệ thống Trung tâm dữ liệu số quốc gia.

i) 100% cán bộ chuyên trách về CNTT được đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu thực thi các nhiệm vụ thực tế. 100% cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng số.

k) Tối thiểu 70% gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, 100% gói thầu sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, 100% gói thầu mua sắm tập trung được tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng.

l) Hệ thống số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ số hóa, chuyển đổi dữ liệu từ dạng hồ sơ giấy thành những dữ liệu dạng tín hiệu số nhằm linh động đáp ứng việc lưu trữ của tất cả các loại hồ sơ, giúp giải quyết việc truy xuất, mượn trả hồ sơ, chia sẻ và tìm kiếm thông tin thuận tiện, dễ dàng, nhanh chóng và chính xác.

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) 100% trang thông tin điện tử của xã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

b) 100% giao dịch trên Hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh được xác thực điện tử.

c) 100% TTHC đủ điều kiện được công bố thực hiện trực tuyến ở mức độ 3, 4, trong đó 80% TTHC mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

d) 100% người dân, doanh nghiệp tham gia các HTTT Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tối thiểu 80% các HTTT của các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã.

đ) Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ của các TTHC của UBND tỉnh công bố thực hiện trực tuyến mức độ 3, 4 đạt theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

e) 70% các HTTT của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến người dân đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại CSDL quốc gia không phải cung cấp lại.

g) Ứng dụng công nghệ số mới, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, điều hành và kiểm soát các quy trình cung cấp dịch vụ, quản trị hệ thống, tích hợp ISO điện tử.

3. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

a) Nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã để tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm hại, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống, dịch vụ CNTT.

a) Nâng cao tính hệ thống, đồng bộ và chuẩn hóa công tác giám sát an toàn thông tin mạng; xây dựng đội ngũ giám sát an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp và kỷ luật.

b) Thực hiện công tác giám sát, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan điều phối quốc gia (VNCERT/CC).

c) Cử cán bộ chuyên trách CNTT tham gia đào tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng lực tham mưu công tác an toàn, an ninh thông tin để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Hạ tầng kỹ thuật CNTT

a) Tăng cường năng lực hạ tầng kỹ thuật cho Phòng họp trực tuyến xã để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc duy trì ứng dụng CNTT của xã.

b) Chuyển đổi IPv6 cho mạng lưới, dịch vụ, ứng dụng, phần mềm và thiết bị trên địa bàn xã đảm bảo sự phát triển, tính sẵn sàng tương thích với sự phát triển mạnh mẽ của các xu hướng công nghệ mới trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

c) 100% UBND xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước.

d) Nâng cấp Trang thông tin điện tử của xã thành 1 hệ thống portal hợp nhất với huyện nhằm hỗ trợ chức năng liên thông tin bài giữa các cấp với nhau, có khả năng tổ chức phân loại thông tin, hỗ trợ khả năng tìm kiếm thông tin, khả năng bảo mật, tích hợp ứng dụng...

đ) Chuyển đổi hệ thống truyền thanh FM hiện tại của xã sang hệ thống truyền thanh qua mạng internet, số hóa công tác, quản trị, vận hành Đài truyền thanh bằng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả

hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin, Kế hoạch số 4507/KH-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về triển khai Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 687/KH-STTTT ngày 02/4/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa về việc chuyển đổi đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Khánh Hòa.

IV. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

a) Tham gia góp ý, có ý kiến xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về công tác ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

b) Tham gia góp ý, xây dựng hệ thống pháp lý của tỉnh về CNTT, xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo và điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy triển khai ứng dụng CNTT.

c) Tham gia góp ý cơ chế về tài chính và đầu tư cho ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng, phát triển CNTT, đào tạo nhân lực CNTT.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Bổ sung đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng, hạ tầng kết nối, hạ tầng an toàn thông tin, trang thiết bị CNTT tại Phòng họp trực tuyến xã để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc ứng dụng CNTT trên địa bàn xã, đồng thời, đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng CNTT của cơ quan nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử địa phương theo lộ trình của Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh.

b) Đề xuất triển khai đầu tư trang bị, bổ sung hạ tầng kỹ thuật cho UBND xã nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai, khai thác, sử dụng các HTTT được đầu tư, đảm bảo đạt các chỉ tiêu đánh giá theo Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp xã ban hành tại Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT ngày 25/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Triển khai nâng cấp, bổ sung trang thiết bị CNTT cần thiết phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng của người dùng cuối theo lộ trình triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

d) Phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn xã rà soát, đánh giá và triển khai giải pháp nâng cao chất lượng đường truyền nhằm đảm bảo duy trì kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu khai thác của địa phương.

3. Phát triển các hệ thống nền tảng

a) Đề xuất góp ý, có ý kiến nâng cấp, mở rộng và phát triển các HTTT nền tảng, dùng chung của tỉnh: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống Một cửa điện tử, Chứng thư số chuyên dùng, cổng Thông tin điện tử, Phần mềm Quản lý cán bộ công chức, Thư điện tử công vụ, Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh, Hệ thống GIS Khánh Hòa, Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội,... và các HTTT dùng chung khác để phù hợp với công tác quản lý của huyện và của các ngành, lĩnh vực.

b) Đề xuất góp ý, có ý kiến về việc triển khai đồng bộ, thống nhất Mạng truyền số liệu chuyên dùng phù hợp với phạm vi và tính chất triển khai Chính quyền điện tử, tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và các yêu cầu về kỹ thuật, kết nối, an toàn thông tin.

c) Hoàn thành các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn xã.

d) Yêu cầu doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn xã đảm bảo chất lượng dịch vụ viễn thông, đặc biệt là tốc độ Internet.

4. Phát triển dữ liệu

a) Hoạt động đầu tư mới CSDL, HTTT tại địa phương bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các HTTT, CSDL do các bộ, ngành triển khai; không đầu tư trùng lắp với các CSDL quốc gia và danh mục các HTTT có quy mô và phạm vi triển khai từ Trung ương đến địa phương đã được công bố trên Trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông và Cục Tin học hóa theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014.

b) Triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương giai đoạn 2021 - 2025 theo lộ trình được phê duyệt.

c) Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá duy trì dữ liệu nội bộ hàng năm theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông quy định tại Điều 16 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

5.1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

a) Tham gia góp ý, có ý kiến về nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm dùng chung trong hoạt động của cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn xã. Tăng cường sử dụng, trao đổi văn bản điện tử, nhất là tại UBND xã, ứng dụng chứng thư số, chữ ký số trong liên thông văn bản điện tử.

b) Sử dụng, khai thác có hiệu quả các phần mềm nội bộ ứng dụng GIS đã được đầu tư, phục vụ công tác chuyên môn của đơn vị, đảm bảo CSDL GIS nền, hạ

tăng, hiện trạng, quy hoạch và CSDL chuyên ngành phải được cập nhật thường xuyên, liên tục, để kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu cho cổng Thông tin điện tử GIS Khánh Hòa và các phần mềm khác thuộc hệ thống.

c) Hỗ trợ đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

d) Tham gia góp ý, có ý kiến về nâng cấp hoàn thiện Hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến của tỉnh phục vụ họp trực tuyến, rút ngắn thời gian hội họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước.

đ) Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trên phạm vi toàn xã theo mô hình ISO điện tử.

e) Tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ trong trao đổi văn bản điện tử với các cơ quan trên địa bàn xã, huyện, tỉnh.

g) Tham gia triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục và đào tạo, quản lý khám, chữa bệnh; từng bước hình thành HTTT về giáo dục điện tử, y tế điện tử trên địa bàn xã để người dân được hưởng phúc lợi xã hội thông qua ứng dụng CNTT (Khi có yêu cầu đề nghị phối hợp của các Sở, ban, ngành của Huyện, Tỉnh chủ trì thực hiện).

h) Đẩy mạnh việc tổ chức đấu thầu qua mạng theo lộ trình triển khai của tỉnh.

i) Triển khai sử dụng hiệu quả hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh Khánh Hòa (@khanhhoa.gov.vn) và các hệ thống thư công vụ khác do các cơ quan Trung ương triển khai tại địa phương; hạn chế tối đa việc sử dụng các hệ thống thư điện tử công cộng trong hoạt động công vụ.

5.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên các cổng/trang thông tin điện tử trên địa bàn xã; đề xuất và triển khai hiệu quả các hoạt động nâng cấp, công tác an toàn thông tin cho các cổng/trang thông tin điện tử, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt.

b) Tiếp tục triển khai Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Kế hoạch số 10234/KH-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ và lộ trình của tỉnh.

c) Rà soát, đề xuất mở rộng danh mục TTHC thực hiện trực tuyến, danh mục TTHC thực hiện thanh toán trực tuyến và danh mục TTHC áp dụng dịch vụ bưu chính công ích, đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra. Tăng cường các biện pháp truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát huy hiệu quả của mạng lưới bưu chính công ích và chính quyền cơ sở trong công tác hỗ trợ, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thay đổi hành vi thực hiện TTHC.

d) Ứng dụng có hiệu quả Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội huyện; duy trì kênh thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết TTHC thông qua Trang thông tin điện tử xã.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Thường xuyên rà soát, cập nhật, xây dựng và ban hành các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

b) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật An toàn thông tin mạng, Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng hàng năm; tổ chức thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn xã. Phát huy vai trò của thành viên Đội ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách CNTT nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

c) Chuẩn hóa hệ thống mạng, quy trình quản lý an toàn hạ tầng kỹ thuật tại Phòng máy trực tuyến xã. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống mã độc, bảo vệ 100% máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan tại UBND xã.

d) Triển khai phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ.

đ) Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

e) Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng (Tập trung nhiệm vụ tại Phòng máy trực tuyến).

g) Định kỳ hàng năm cử cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin, CNTT tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin; tham gia chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng do cấp trên tổ chức.

h) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan, nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn.

i) Địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động nội bộ của đơn vị; thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng; kiểm tra an ninh và an toàn thông tin các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, phần mềm ứng dụng và các công cụ khác trước khi đưa vào sử dụng; các thiết bị, phần mềm do tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng hoặc tài trợ phải được kiểm định an toàn trước khi sử dụng.

k) Tăng cường phối hợp với các lực lượng Công an, Quân đội, cơ yếu để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin.

l) Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai các dự án, nhiệm vụ CNTT (trong trường hợp chủ đầu tư chưa có hệ thống kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ).

7. Phát triển nguồn nhân lực

a) Quan tâm cử cán bộ, công chức tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn cho về Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, Chính quyền số; về khai thác, sử dụng các HTTT, làm việc trên môi trường mạng, giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Cử thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh của xã tham gia đào tạo, tập huấn về xây dựng, triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh. Cử cán bộ chuyên trách về CNTT tham gia tập huấn kiến thức chuyên sâu về an ninh, an toàn mạng và bảo mật thông tin.

a) Tạo điều kiện về thời gian hoặc xem xét, cử cán bộ, công chức trong cơ quan tham gia thi tuyển và học tập các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT phù hợp với vị trí việc làm.

b) Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử.

8. Lập dự án đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, phù hợp chuyển đổi số trong năm 2023 và các năm tiếp theo

+ Xây dựng nền tảng hạ tầng CNTT (ưu tiên)

- Thiết bị CNTT phần cứng: Hệ thống máy chủ, Hệ thống thiết bị mạng và ATTT (chủ động giám sát an toàn thông tin và hỗ trợ xử lý sự cố lớp máy chủ/ máy trạm; Chủ động giám sát an toàn thông tin và hỗ trợ xử lý sự cố lớp mạng; Chủ động thu thập và quản lý sự kiện an ninh); Hệ thống lưu trữ và sao lưu dữ liệu (SAN); Hệ thống phần mềm (Hệ điều hành máy chủ, Hệ quản trị CSDL và kho dữ

liệu).

- Nâng cấp, mở rộng, cải tạo hệ thống hạ tầng mạng, đảm bảo nhu cầu sử dụng và phục vụ Chuyển đổi số.

- Trang bị, nâng cấp máy tính, các thiết bị đầu cuối phục vụ các hoạt động ứng dụng CNTT ở các cấp trên địa bàn huyện.

- + Đầu tư màn hình LED phục vụ công tác tuyên truyền (ưu tiên)

- + Phòng họp không giấy tờ

- Triển khai đầu tư phần mềm phòng họp không giấy tờ giúp tổ chức các cuộc họp trên mạng khắc phục việc sử dụng văn bản giấy tờ hành chính. Việc áp dụng mô hình phòng họp trên mạng giúp tiết kiệm chi phí, rút ngắn thời gian chuẩn bị họp và họp giúp lãnh đạo đưa ra những quyết định kịp thời nhanh chóng, nâng cao hiệu quả công việc.

- + Triển khai Thanh toán không dùng tiền mặt tại Chợ

- Thực hiện xây dựng mô hình thanh toán không dùng tiền mặt tại các chợ trên địa bàn xã.

V. GIẢI PHÁP

1. Về môi trường chính sách

a) Tổ chức triển khai các chủ trương, chính sách của Chính phủ về ưu tiên đầu tư, hỗ trợ cho ứng dụng và phát triển CNTT tại địa phương; tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển CNTT.

b) Tham gia góp ý, có ý kiến hoàn thiện hệ thống pháp lý của tỉnh về CNTT, xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy triển khai ứng dụng CNTT.

c) Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các quy định, quy chế về HTTT dùng chung, an toàn thông tin, trao đổi văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số, các quy định về cập nhật CSDL, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC,...

d) Duy trì, phát huy hiệu quả của hoạt động đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT hàng năm đối với UBND xã; tổ chức rà soát, đánh giá cụ thể những điểm còn hạn chế và triển khai các giải pháp cụ thể để cải thiện xếp hạng đối với chỉ số về mức độ sẵn sàng cho phát triển Chính phủ điện tử (ICT Index), chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính trong bộ chỉ số CCHC (PAR Index) theo chỉ đạo của tỉnh.

đ) Rà soát, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung nội dung ứng dụng, phát triển CNTT vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh.

2. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính

a) Có sự phối hợp thống nhất, đồng bộ giữa Công chức Văn phòng – Thống kê, Cán bộ Văn hóa – Thông tin gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT với công tác CCHC; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai các HTTT đã được đầu tư phục vụ hiện đại hóa hành chính.

b) Thực hiện chuẩn hóa quy trình, TTHC; cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 phục vụ công tác CCHC của cơ quan.

c) Tham gia góp ý, có ý kiến hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại ứng dụng CNTT; bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng CCHC (tiêu chí về hiện đại hóa nền hành chính), bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử của xã, bảo đảm tính khách quan, minh bạch và phù hợp với tình hình triển khai thực tế của địa phương. Cung cấp đầy đủ hồ sơ cho đoàn kiểm tra ứng dụng CNTT tại địa phương lồng ghép trong các đợt kiểm tra CCHC của huyện.

d) Đánh giá hiệu quả triển khai, áp dụng các sáng kiến, giải pháp ứng dụng CNTT làm cơ sở cho việc tổ chức, triển khai nhân rộng các sản phẩm mang lại hiệu quả cao.

3. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác qua môi trường số với người dân, doanh nghiệp

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua việc ứng dụng đa dạng các kênh truyền thông, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ của Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

b) Nâng cấp, tích hợp các tiện ích, ứng dụng hỗ trợ tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp trên các cổng/trang thông tin điện tử (TTĐT) của cơ quan nhà nước và HTTT cung cấp dịch vụ công.

c) Tích cực truyền thông quảng bá Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến, cách thức nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng xã hội Facebook, Zalo, Youtube,...

d) Nâng cao chất lượng nội dung các chương trình truyền thông Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử trên hệ thống Đài truyền thanh, tăng cường lồng ghép tuyên truyền về CCHC, dịch vụ công trực tuyến, chính quyền điện tử, chính quyền số.

4. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính quyền điện tử và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực

hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

b) Ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh mạng theo quy định của pháp luật cho các HTTT phục vụ Chính quyền điện tử của xã; thuê dịch vụ kiểm tra, đánh giá định kỳ an toàn thông tin mạng đối với HTTT thuộc quyền quản lý hoặc kiểm tra, đánh giá đột xuất khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

c) Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã Đại Lãnh từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT xã

Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ báo cáo UBND xã tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

2. Công chức Văn phòng – Thống kê phụ trách công tác CNTT

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan tham mưu UBND xã, Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hàng năm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; cho ý kiến về nội dung chuyên môn đối với các nhiệm vụ triển khai Kế hoạch; tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

b) Căn cứ Kế hoạch này, nghiên cứu, đề xuất bổ sung các dự án, nhiệm vụ CNTT nhằm triển khai hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Phối hợp với các đoàn thể, bộ phận liên quan tham mưu văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về CNTT trên địa bàn xã.

d) Chủ trì, phối hợp các đoàn thể, bộ phận liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trên địa bàn xã.

đ) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ các đoàn thể, bộ phận chuyên môn trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời báo cáo UBND xã xử lý, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai hoặc tham mưu UBND xã kiến nghị Huyện.

g) Hướng dẫn các đoàn thể, bộ phận chuyên môn thông tin đại chúng tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến

thức về CNTT trong xã hội.

h) Chỉ đạo các doanh nghiệp dịch vụ viễn thông, CNTT tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ đảm bảo các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật CNTT, viễn thông.

i) Chủ trì, phối hợp với Công an triển khai công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng trong quá trình thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

j) Phối hợp Cán bộ Văn hóa và Thông tin, các đoàn thể, bộ phận liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trên địa bàn xã.

k) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Bru điện xã, các doanh nghiệp tham gia phát triển Chính quyền điện tử theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

l) Nghiên cứu, đề xuất bổ sung các dự án, nhiệm vụ CNTT nhằm triển khai hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

m) Phối hợp với Công chức Văn phòng – Thống kê phụ trách công tác Nội vụ, Cán bộ Văn hóa và Thông tin để gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử với công tác CCHC.

3. Công chức Tài chính – Kế toán

a) Chủ trì, phối hợp với các đoàn thể, bộ phận liên quan, tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương và các nguồn ngân sách khác (nếu có) cho các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

b) Trên cơ sở dự toán của địa phương được giao nhiệm vụ, Công chức Tài chính – Kế toán tổng hợp, cân đối kinh phí theo khả năng ngân sách từng năm để tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch đối với nhiệm vụ do ngân sách đảm bảo theo đúng quy định.

4. Công chức Văn phòng – Thống kê phụ trách công tác Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Công chức Văn phòng – Thống kê phụ trách công tác CNTT, Cán bộ Văn hóa và Thông tin xây dựng các chương trình, nội dung phối hợp giữa cơ quan Nội vụ và cơ quan Thông tin và Truyền thông để gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử với công tác CCHC.

b) Thực hiện tốt công tác đánh giá thi đua khen thưởng của địa phương, trong đó có kết hợp lồng ghép các nội dung đánh giá xếp hạng ứng dụng CNTT.

5. Các đoàn thể, bộ phận chuyên môn:

a) Căn cứ Kế hoạch này, các đoàn thể, bộ phận chuyên môn thuộc xã cụ thể hóa vào Kế hoạch hàng năm của mình và tổ chức thực hiện, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế nhằm góp phần đạt các chỉ tiêu được xác định trong Kế

hoạch này.

b) Tổ chức đánh giá, xếp loại tình hình ứng dụng CNTT và Chính quyền điện tử theo thời gian quy định.

c) Thực hiện báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch này về Ban Chi đạo ứng dụng CNTT xã.

6. Đài phát thanh, Trang Thông tin điện tử xã: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội, khai thác sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung, Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh; tăng thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động ứng dụng CNTT và truyền thông trên địa bàn xã./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (để b/c);
- Phòng VHHTT (để b/c);
- TT Đảng ủy (để b/c);
- CT và các PCT UBND xã(để b/c);
- Mặt trận và các đoàn thể (để T/H);
- Các ban ngành liên quan (để T/H);
- Lưu: VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Lê Ngọc Toàn